DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HK01
Khoa Tâm lí - Giáo dục (năm học 2011-2012)
Danh sách kèm theo quyết định số 1065/QĐ-ĐHSP ngày 21/5/2012

STT	Họ và Tên		MSSV	ĐTBCHT	ĐRL	Mức học bổng	Số tiền
1	Lã Thị Duyên	Anh	K37.609.002	3.14	82	2400000	1200000
2	Phạm Thị Ngọc	Dưỡng	K37.609.011	2.93	90	2400000	1200000
3	Lê Diễm	My	K37.609.019	3.11	81	2400000	1200000
4	Đoàn Thị Tuyết	Nhung	K37.609.023	3	80	2400000	1200000
5	Lê Hoài Châu Thế	Oanh	K37.609.024	2.82	80	2400000	1200000
6	Lô Bích	Phượng	K37.609.026	2.82	82	2400000	1200000
7	Đinh Thị Kim	Xuyến	K37.609.039	3.43	83	3000000	1500000
8	Trương Nguyễn Hoài	An	K37.609.040	3.11	80	2400000	1200000
9	Trần Thị Thùy	Dương	K37.609.043	3.11	80	2400000	1200000
10	Lê Thị Diễm	Huyền	K37.609.048	3.21	83	3000000	1500000
11	Lê Nghiêm Khánh	Ngọc	K37.609.061	2.93	80	2400000	1200000
12	Hồ Thị Thanh	Nguyên	K37.609.062	3.14	95	2400000	1200000
13	Đỗ Minh	Phụng	K37.609.068	3.36	83	3000000	1500000
14	Đoàn Thị	Ph	K37.	3.2	83	3000	150

4		ượ ng	609. 071	5	00	000 0	
1 5	Trương Thị Lệ	Th ủy	K37. 609. 085	2.8 9	82	2400 00	120 000 0
1 6	Dương Thị Anh	Th ư	K37. 609. 089	3.0 4	82	2400 00	120 000 0
1 7	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiê n	K37. 609. 090	2.8 6	79	2400 00	120 000 0
1 8	Nguyễn Thị Kiều	Tra ng	K37. 609. 091	2.7 9	80	2400 00	120 000 0
1 9	Nguyễn Xuân Phương	Tri nh	K37. 609. 094	3.2 5	91	3000 00	150 000 0
2 0	Kim	Tr ọn g	K37. 609. 096	2.8 9	90	2400 00	120 000 0
2 1	Nguyễn Thị Ngọc	An h	K37. 611. 001	2.6 2	78	2400 00	120 000 0
2 2	Đỗ Thị Hồng	Di ễm	K37. 611. 004	2.8 5	77	2400 00	120 000 0
2 3	Nguyễn Trung	Hi ếu	K37. 611. 015	2.9 6	82	2400 00	120 000 0
2 4	Lê Thị	La n	K37. 611. 026	2.8 5	78	2400 00	120 000 0
2 5	Phạm Thị Thu	La n	K37. 611. 027	3.0 4	77	2400 00	120 000 0
2 6	Nguyễn Vương Tự	Lậ p	K37. 611. 028	2.6 9	79	2400 00	120 000 0
2 7	Nguyễn Bình Nguyên	Lộ c	K37. 611. 033	3.0 8	87	2400 00	120 000 0
2 8	Huỳnh Thị Trúc	Ly	K37. 611. 035	2.5	71	2400 00	120 000 0
2 9	Đinh Thị Minh	Ph ươ ng	K37. 611. 043	2.5	78	2400 00	120 000 0
3 0	Trần Lý Ngọc	Th an h	K37. 611. 046	2.8 1	77	2400 00	120 000 0

31	Vũ Thị	Duyên	K37.611.065	2.77	86	2400000	120000	
32	Nguyễn Thị Xuân	Đào	K37.611.068	2.88	82	2400000	120000	
33	Đinh Thị Sao	Ly	K37.611.083	2.77	71	2400000	120000	
34	Huỳnh Vũ Phước	Minh	K37.611.085	3.19	74	2400000	120000	
35	Nguyễn Thị Bích	Nga	K37.611.086	3.08	78	2400000	120000	
36	Nguyễn Trọng	Nhân	K37.611.094	3.12	87	2400000	120000	
37	Vũ Minh	Nhật	K37.611.095	3.04	72	2400000	120000	
38	Võ Thị Ý	Nhi	K37.611.096	3.12	85	2400000	120000	
39	Cao Thủy Phương	Thanh	K37.611.103	2.77	82	2400000	120000	
40	Nguyễn Lê Phương	Thảo	K37.611.105	3.12	71	2400000	120000	
41	Đoàn Minh	Trọng	K37.611.116	2.88	77	2400000	120000	
42	Trần Thị Hoài	Viển	K37.611.122	3	78	2400000	120000	